

27. Chi ngân sách Nhà nước trên địa bàn

Triệu đồng

	Số liệu năm 2021	Số liệu năm 2020	Năm 2021 so với năm 2020 (%)	Cơ cấu năm 2021 (%)	Năm 2021 so với dự toán (%)
TỔNG CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	13.275.170	12.235.961	108,49	100,00	84,29
I. Chi đầu tư phát triển	6.295.934	4.672.556	134,74	47,43	90,48
II. Chi trả nợ lãi	-	-	-	-	-
III. Chi thường xuyên	5.982.613	6.845.390	87,40	45,07	77,77
1. Chi sự nghiệp kinh tế	1.202.406	1.477.402	81,39	9,06	54,15
2. Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	2.329.151	2.509.500	92,81	17,55	85,83
3. Chi sự nghiệp y tế	438.519	668.130	65,63	3,30	65,24
4. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	23.828	29.719	80,18	0,18	98,12
5. Chi sự nghiệp văn hoá du lịch và thể thao	113.780	148.194	76,78	0,86	78,04
6. Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	109.239	124.928	87,44	0,82	75,72
7. Chi đảm bảo xã hội	233.416	190.274	122,67	1,76	83,60
8. Chi quản lý hành chính	1.053.774	1.175.308	89,66	7,94	90,14
9. Chi an ninh quốc phòng địa phương	388.926	454.178	85,63	2,93	136,18
10. Chi khác ngân sách	89.574	67.757	132,20	0,67	237,64
IV. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	-	-	-	-	-
V. Chi dự phòng ngân sách	380.000	150.713	252,13	2,86	116,35
VI. Các nhiệm vụ chi khác	616.623	567.302	108,69	4,64	101,44